

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 163/2008/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 11 tháng 12 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

**phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội
tỉnh Cà Mau đến năm 2020**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

*Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày
25 tháng 12 năm 2001;*

QUYẾT ĐỊNH:

*Căn cứ vào Nghị định số 92/2006/NĐ-
CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 và Nghị
định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng
01 năm 2008 của Chính phủ về lập, phê
duyet và quản lý quy hoạch tổng thể phát
triển kinh tế - xã hội;*

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch tổng thể
phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Cà Mau
đến năm 2020 với những nội dung chủ
yếu sau:

I. YÊU CẦU CHUNG

*Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh
Cà Mau tại Tờ trình số 40/TTr-UBND
ngày 05 tháng 9 năm 2007, Công văn số
4657/UBND ngày 27 tháng 12 năm 2007
và đề nghị của Bộ Kế hoạch và Đầu tư
tại Công văn số 882/BKH-TĐ&GSĐT
ngày 05 tháng 02 năm 2008 về Quy
hoạch tổng thể phát triển kinh tế -
xã hội tỉnh Cà Mau thời kỳ đến năm
2020,*

1. Quy hoạch tổng thể phát triển kinh
tế - xã hội tỉnh Cà Mau đến năm 2020,
bảo đảm phù hợp với Chiến lược phát
triển kinh tế - xã hội của cả nước và quy
hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội
vùng đồng bằng sông Cửu Long.

2. Đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh
tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng
công nghiệp hóa, hiện đại hóa; phát triển

mạnh những ngành sản xuất và dịch vụ có tiềm năng, lợi thế, gắn với phát triển những lĩnh vực có hàm lượng công nghệ cao.

3. Huy động mọi nguồn lực vào phát triển kinh tế - xã hội nhằm khai thác tối đa nội lực, kết hợp với việc thu hút tối đa các nguồn lực từ bên ngoài đầu tư vào Tỉnh, nhất là vốn, công nghệ, lao động chất lượng cao.

4. Phát triển kinh tế nhanh và bền vững, đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế; bảo đảm giải quyết hài hòa giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ môi trường, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, cải thiện và từng bước nâng cao đời sống nhân dân.

5. Phát triển kinh tế phải gắn với ổn định chính trị, bảo đảm trật tự xã hội, nâng cao dân trí; tăng cường sức mạnh quốc phòng, an ninh; củng cố, kiện toàn và nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị, xây dựng nền hành chính vững mạnh.

II. MỤC TIÊU CHỦ YẾU

1. Mục tiêu tổng quát:

- Phát triển kinh tế với tốc độ cao, bền vững, đẩy nhanh đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng. Phấn đấu đến năm 2015 hình

thành cơ cấu kinh tế công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp; đến năm 2020 xây dựng Cà Mau trở thành một tỉnh có kinh tế - xã hội phát triển, đóng góp tích cực vào sự phát triển của vùng đồng bằng sông Cửu Long và cả nước; đời sống nhân dân được cải thiện và nâng cao; an ninh và quốc phòng luôn bảo đảm.

- Tập trung đầu tư phát triển mạnh về kinh tế biển gắn với bảo vệ tài nguyên môi trường biển.

2. Mục tiêu cụ thể:

a) Về kinh tế:

- Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân hàng năm giai đoạn đến năm 2010 đạt 13,3%; giai đoạn 2011 - 2015 đạt 13,7% và giai đoạn 2016 - 2020 đạt 14,2%. GDP bình quân đầu người năm 2010 đạt khoảng 962 USD, năm 2015 đạt 1.670 USD và năm 2020 đạt khoảng 3.000 USD;

- Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng tích cực, cụ thể: năm 2010 nông nghiệp 39,7%, công nghiệp 32%, dịch vụ 28,3%; đến năm 2015 nông nghiệp 28,7%, công nghiệp 37,8%, dịch vụ 33,5%; đến năm 2020 nông nghiệp 19,6%, công nghiệp 43,5%, dịch vụ 36,9%;

- Tỷ lệ huy động vào ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh năm 2010 khoảng

9% GDP, năm 2015 khoảng 12% GDP và năm 2020 khoảng 15% GDP;

- Tổng vốn đầu tư xã hội hàng năm huy động đạt từ 38% - 40% GDP;

- Kim ngạch xuất khẩu năm 2010 đạt khoảng 1 tỷ USD; năm 2015 đạt 1,4 tỷ USD - 1,5 tỷ USD; năm 2020 đạt 1,8 tỷ USD - 2 tỷ USD. Giá trị xuất khẩu bình quân đầu người năm 2010 đạt 750 USD; năm 2015 đạt 980 USD - 1.000 USD và năm 2020 đạt 1.200 USD - 1.300 USD;

- Phân đầu năm 2010 có 100% đường ô tô đến trung tâm các xã; đồng thời có 90% số dân được sử dụng điện, năm 2020 có 100% số hộ dân được sử dụng điện; năm 2010 có 35 - 40 máy điện thoại/100 người dân, năm 2020 đạt 50 - 55 máy/100 người dân;

- 100% dân số đô thị và 80% dân số nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh vào năm 2010, đến năm 2020 giải quyết cơ bản nhu cầu về nước sinh hoạt cho dân cư đô thị và nông thôn.

b) Về xã hội:

- Giảm tỷ lệ phát triển dân số tự nhiên xuống dưới 1,2% vào năm 2015 và đạt khoảng 1,1% vào năm 2020. Quy mô dân số năm 2010 khoảng 1,33 triệu người; năm 2015 khoảng 1,418 triệu người; năm 2020 khoảng 1,5 triệu người;

- Đến năm 2010 có 20% xã, phường,

thị trấn đạt phổ cập giáo dục phổ thông cơ sở và phân đầu hoàn thành phổ cập giáo dục phổ thông cơ sở vào năm 2020;

- Đến năm 2010 toàn bộ các huyện, thành phố trực thuộc Tỉnh và 50% số xã, phường, thị trấn có trung tâm sinh hoạt văn hóa - thể thao; đến năm 2015 đạt 100% số xã, phường, thị trấn có trung tâm sinh hoạt văn hóa - thể thao;

- Đến năm 2010 có 95% hộ gia đình, 85% số xóm ấp, 55% đơn vị cấp xã và 1 - 2 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn văn hóa; năm 2020 có 85% - 90% số xóm ấp, 70% số đơn vị cấp xã và 3 - 4 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn văn hóa;

- Hoàn thành chương trình đạt chuẩn quốc gia về y tế xã theo quy định vào năm 2010; giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng xuống dưới 16% vào năm 2010, dưới 10% vào năm 2020;

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 30% vào năm 2010; đạt khoảng 60% vào năm 2020. Tỷ lệ lao động nông nghiệp giảm còn 35% - 40% vào năm 2020.

- Tỷ lệ hộ nghèo đạt dưới 10% vào năm 2010, đạt dưới 3% vào năm 2020; nhà ở kiên cố, bán kiên cố đạt 70% vào năm 2010; đến năm 2020 về cơ bản không còn nhà bằng cây lá tạm.

c) Về môi trường:

- Tỷ lệ che phủ rừng và cây phân tán

đạt 24% năm 2010 và 28% vào năm 2020;

- Thu gom, xử lý chất thải rắn đạt 80% vào năm 2010, đạt 100% vào năm 2020;

- Năm 2010 bảo đảm 100% rác thải y tế được xử lý đúng quy định.

III. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NGÀNH

1. Ngư, nông, lâm nghiệp:

- Phát triển ngư, nông, lâm nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa đảm bảo nguyên liệu cho công nghiệp chế biến xuất khẩu, đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ cho sản xuất để nâng cao hiệu quả kinh tế, thực hiện sản xuất kết hợp ngư, nông, lâm nghiệp để phát triển bền vững. Giá trị sản xuất nông nghiệp bình quân năm 2010 đạt 45 triệu đồng/ha, năm 2020 đạt 60 triệu đồng/ha.

- Nuôi trồng thủy sản chủ yếu là tôm, đồng thời phát triển nuôi các loài thủy, hải sản khác với hình thức nuôi phù hợp. Tổ chức lại ngành nghề, phương tiện khai thác thủy, hải sản trên biển gắn với bảo vệ nguồn lợi thủy, hải sản.

- Thâm canh sản xuất lúa và các loại cây trồng khác trên cơ sở ưu tiên đầu tư thủy lợi, đẩy mạnh sử dụng giống mới có năng suất cao, phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm.

- Khôi phục, bảo vệ và phát triển rừng ngập mặn, rừng tràm, trong đó tập trung cho vườn quốc gia Mũi Cà Mau và vườn quốc gia U Minh Hạ; tổ chức lại sản xuất và bố trí dân cư đối với rừng sản xuất, phát triển kinh tế tổng hợp đối với rừng và đất rừng.

2. Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp:

- Phát triển công nghiệp chế biến thủy sản, nông, lâm sản theo hướng tăng tỷ lệ hàng tinh chế, phát triển công nghiệp năng lượng trên cơ sở cụm công nghiệp khí - điện - đạm Cà Mau, đồng thời thu hút phát triển một số ngành công nghiệp mới có hàm lượng công nghệ cao. Khuyến khích phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và các làng nghề ở nông thôn.

- Từng bước xây dựng các khu, cụm công nghiệp Khánh An, Hòa Trung, Năm Căn, Sông Đốc để thu hút đầu tư.

- Phát triển công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp cần gắn liền với xử lý ô nhiễm môi trường, bảo đảm phát triển kinh tế cao và bền vững.

3. Dịch vụ:

- Phát triển mạng lưới thương mại với sự tham gia của các thành phần kinh tế. Sắp xếp lại mạng lưới bán lẻ, ưu tiên phát triển hệ thống kinh doanh bán lẻ hiện đại, quy hoạch những vị trí có lợi thế thương

mai ở đô thị để xây dựng các khu thương mại, dịch vụ. Tập trung đẩy mạnh xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường nước ngoài, đẩy mạnh xuất khẩu.

- Phát triển mô hình du lịch sinh thái, du lịch biển đảo, thực hiện liên kết phát triển du lịch trong nước và quốc tế. Thu hút đầu tư xây dựng các khu du lịch, khu vui chơi giải trí tổng hợp, cơ sở lưu trú, đa dạng hóa các loại hình và sản phẩm du lịch.

- Phát triển nhanh các ngành dịch vụ có giá trị gia tăng cao, có tác dụng thúc đẩy các ngành sản xuất và dịch vụ khác như vận tải, viễn thông và công nghệ thông tin, dịch vụ khoa học công nghệ, tư vấn, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, các dịch vụ đào tạo, y tế, văn hóa, thể thao.

4. Các lĩnh vực xã hội:

a) Dân số:

Giảm tỷ lệ tăng dân số tự nhiên xuống 1,2% vào năm 2010, xuống 1,1% vào năm 2020; quy mô dân số năm 2010 khoảng 1,33 triệu người, năm 2015 khoảng 1,5 triệu người. Cơ cấu dân số thành thị - nông thôn là 25% - 75% vào năm 2010 và 40% - 60% vào năm 2020;

b) Giáo dục, đào tạo:

- Đẩy mạnh phát triển sự nghiệp giáo dục - đào tạo, tăng cường đầu tư xây dựng và trang thiết bị trường học, đa dạng hóa

các loại hình trường lớp, tiêu chuẩn hóa giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục;

- Đến năm 2010 có 10% số trường mầm non, 15% trường tiểu học, 10% trường trung học cơ sở và trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia; năm 2020 có 50% - 60% số trường học các cấp đạt chuẩn quốc gia; từ năm 2010 có 100% giáo viên đạt chuẩn; phấn đấu hoàn thành phổ cập giáo dục trung học phổ thông vào năm 2020;

- Phát triển nhanh giáo dục chuyên nghiệp, xây dựng trường Cao đẳng cộng đồng, trường Cao đẳng y tế. Đẩy mạnh công tác dạy nghề, xây dựng trường Trung cấp nghề, Trung tâm dạy nghề các huyện, khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp tham gia đào tạo nghề cho người lao động; tỷ lệ lao động xã hội qua đào tạo đạt 30% vào năm 2010, đạt 60% vào năm 2020.

c) Y tế và chăm sóc sức khỏe nhân dân:

- Nâng cao hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia về y tế, đẩy mạnh xã hội hóa công tác bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân. Phòng ngừa, khống chế có hiệu quả các dịch bệnh, bảo đảm mọi người dân đều được cung cấp các dịch vụ y tế cơ bản, được tiếp cận sử dụng các dịch vụ y tế chất lượng cao.

- Xây dựng, nâng cấp hệ thống bệnh viện, sớm hoàn thành xây dựng Bệnh viện đa khoa tỉnh và xây dựng các bệnh viện chuyên khoa. Xây dựng, nâng cấp hệ thống y tế cấp huyện và cấp xã theo chuẩn quốc gia. Tăng cường cán bộ y tế, nhất là cho vùng nông thôn, phấn đấu đạt bình quân có 6 bác sĩ và 22 giường bệnh/1 vạn dân vào năm 2010; 10 bác sĩ và 25 giường bệnh/1 vạn dân vào năm 2020; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng dưới 16% vào năm 2010 và 10% vào năm 2020. Đến năm 2020, tỷ suất trẻ em chết dưới 1 tuổi giảm xuống xấp xỉ 1%, tỷ suất trẻ em chết dưới 5 tuổi giảm xuống dưới 2%.

d) Văn hóa, thông tin, thể dục thể thao:

- Gắn kết chặt chẽ giữa phát triển văn hóa với phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống tinh thần nhân dân; tăng cường đầu tư thiết chế văn hóa, thể thao trên cơ sở đẩy mạnh xã hội hóa. Đồng thời, không ngừng nâng cao chất lượng các hoạt động văn hóa thông tin; phát triển các hoạt động thông tin đại chúng với nòng cốt là đài phát thanh và truyền hình; tạo bước phát triển mới về chất đối với phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”; thực hiện công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các di tích lịch sử, phát triển nhiều loại hình thể dục thể thao, mở rộng phong

trào thể dục thể thao quần chúng, tham gia thi đấu thể thao thành tích cao ở một số bộ môn;

- Đến năm 2010 có 95% hộ gia đình, 85% khóm ấp, 55% số đơn vị cấp xã và 1 - 2 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn văn hóa. Năm 2020 có 85% - 90% số khóm ấp, 70% số đơn vị cấp xã và 3 - 4 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn văn hóa.

đ) Giảm nghèo, giải quyết việc làm và đảm bảo xã hội:

- Thực hiện tốt việc giảm nghèo gắn liền với hạn chế đến mức thấp nhất tình trạng tái nghèo, phấn đấu đến năm 2010 tỷ lệ hộ nghèo giảm xuống dưới 10%; năm 2020 tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn 2 USD/người/ngày giảm còn dưới 10%;

- Tăng cường công tác giải quyết việc làm trên cơ sở đào tạo nghề, hướng nghiệp, hỗ trợ tín dụng, thực hiện chuyển đổi cơ cấu lao động để tăng nhanh tỷ trọng lao động công nghiệp, dịch vụ và đẩy mạnh phát triển các hình thức kinh doanh, nhất là phát triển mô hình doanh nghiệp nông nghiệp, trang trại...;

- Thực hiện tốt các chế độ, chính sách đối với các gia đình chính sách, người có công với cách mạng, đồng bào dân tộc thiểu số.

5. Phát triển kết cấu hạ tầng:

Huy động các nguồn lực để phát triển

nhanh kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, từng bước xây dựng đồng bộ hệ thống giao thông, thủy lợi, hệ thống lưới điện, hạ tầng đô thị, hạ tầng các khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

a) Giao thông:

Đẩy mạnh phát triển hạ tầng kỹ thuật giao thông cả về đường bộ, đường thủy, đường biển và đường hàng không, đủ sức vận tải nội vùng, từng bước vươn ra liên vận trong khu vực, xứng đáng là một trong những cửa ngõ của cả nước trong phát triển ra biển.

- Đường bộ: đầu tư xây dựng các tuyến đường hành lang ven biển phía Nam, đường Hồ Chí Minh (đoạn Năm Căn - Đất Mũi), tuyến tránh quốc lộ 1A, tuyến tránh quốc lộ 63, tuyến đường ven biển Đông (từ Năm Căn đến Gành Hào), tuyến đường ven biển Tây (từ Tiểu Dừa đến Đầm Cù); đầu tư nâng cấp quốc lộ 63. Đầu tư xây dựng và nâng cấp các tuyến đường đầu nối đến các trung tâm kinh tế biển gồm tuyến Tắc Thủ - Sông Đốc, Cái Nước - Cái Đôi Vàm, Tắc Thủ - U Minh - Khánh Hội, Đầm Dơi - Tân Thuận. Xây dựng mới các tuyến đường vành đai thành phố Cà Mau và các trục đường nối từ các khu, cụm công nghiệp vào các trục giao thông chính. Xây dựng và nâng cấp các tuyến đường theo quy hoạch các đô thị; xây dựng nâng cấp hệ

thống đường giao thông nông thôn, đảm bảo 100% số xã có đường ô tô đến trung tâm xã;

- Đường thủy: cải tạo nâng cấp các tuyến đường thủy Cà Mau - thành phố Hồ Chí Minh, Cà Mau - Kiên Giang đạt tiêu chuẩn đường thủy nội địa cấp I, tuyến Cà Mau - Sông Đốc, Cà Mau - Năm Căn (do Trung ương quản lý) đạt tiêu chuẩn đường thủy nội địa cấp II; nâng cấp các tuyến đường thủy cấp tỉnh đạt tiêu chuẩn cấp IV và các tuyến đường thủy cấp huyện đạt tiêu chuẩn cấp V;

- Đường biển: đầu tư nâng cấp mở rộng cảng Năm Căn, nạo vét cửa Bồ Đề đáp ứng yêu cầu vận tải bằng đường biển;

- Đường hàng không: mở rộng và nâng cấp cảng hàng không Cà Mau đảm bảo cho máy bay tầm trung hạ, cất cánh; khôi phục nâng cấp sân bay Năm Căn phục vụ hoạt động du lịch, dịch vụ dầu khí và kinh tế biển;

- Đầu tư xây dựng hệ thống bến bãi vận tải thủy - bộ đáp ứng nhu cầu vận tải hàng hóa và đi lại của nhân dân, phục vụ tốt yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

b) Thủy lợi:

Đầu tư hệ thống các tiểu vùng thủy lợi phục vụ sản xuất ngư, nông, lâm nghiệp, kết hợp với xây dựng giao thông nông

thôn; đầu tư xây dựng, nâng cấp hệ thống đê biển theo quy hoạch.

c) Thông tin liên lạc:

Tiếp tục hiện đại hóa, mở rộng mạng lưới đi đôi với ứng dụng công nghệ hiện đại trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, phát triển nhanh các dịch vụ công nghệ thông tin;

d) Cấp điện:

Xây dựng và vận hành an toàn cụm công nghiệp khí - điện - đạm Cà Mau, đáp ứng nhu cầu điện cho Tỉnh và các tỉnh trong Vùng. Phát triển lưới truyền tải, lưới phân phối điện theo quy hoạch bảo đảm cấp điện an toàn, liên tục, giảm tổn thất điện năng;

đ) Cấp thoát nước:

Đầu tư xây dựng, nâng cấp mở rộng hệ thống cấp nước sinh hoạt cho các đô thị, khu dân cư từng bước đáp ứng nhu cầu nước sạch sinh hoạt của nhân dân. Xây dựng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải tại các đô thị, các khu, cụm công nghiệp tập trung.

6. Khoa học và công nghệ:

Đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, khuyến khích ứng dụng đổi mới công nghệ, thực hiện đổi mới cơ chế quản lý khoa học - công nghệ, chuyển mạnh sang cơ chế cung ứng dịch vụ theo đặt hàng;

tăng cường thu hút, hợp tác khoa học - công nghệ với các tổ chức cá nhân trong và ngoài nước trên cơ sở phát triển thị trường khoa học công nghệ.

7. Môi trường:

Tăng cường bảo vệ và cải thiện môi trường đảm bảo phát triển bền vững, bảo vệ và phục hồi tính đa dạng sinh học các vùng đất ngập nước; đẩy mạnh công tác quản lý và xử lý ô nhiễm môi trường, chủ động phòng, chống thiên tai, ứng cứu kịp thời các sự cố môi trường.

8. Quốc phòng, an ninh:

Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân; xây dựng các khu vực phòng thủ vững chắc, xây dựng lực lượng quân đội chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, chú trọng xây dựng lực lượng dân quân tự vệ và dự bị động viên. Xây dựng lực lượng công an nhân dân trong sạch vững mạnh, nâng cao hiệu quả công tác phòng ngừa đấu tranh với các loại tội phạm, tạo chuyển biến vững chắc về trật tự, an toàn xã hội.

IV. QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN THEO KHÔNG GIAN, LÃNH THỔ

1. Vùng kinh tế nội địa: bao gồm

huyện Thới Bình, Cái Nước và thành phố Cà Mau, diện tích 130.721 ha, dân số năm 2020 khoảng 600 nghìn - 650 nghìn người. Dự kiến tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân đạt 13%; GDP/người năm 2020 khoảng 2.600 USD. Cơ cấu kinh tế công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp năm 2020 là 45% - 40% - 15%.

2. Vùng kinh tế biển và ven biển: gồm 6 huyện ven biển và vùng lãnh hải, các cụm đảo, diện tích đất liền là 402.195 ha, dân số năm 2020 khoảng 850 nghìn - 900 nghìn người. Đây là vùng kinh tế động lực của Tỉnh, dự kiến tốc độ tăng trưởng kinh tế cao gấp 1,2 - 1,3 lần mức tăng trưởng chung của Tỉnh, GDP bình quân đầu người năm 2020 khoảng 3.300 USD. Cơ cấu kinh tế công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp năm 2020 của Vùng là 42,7% - 35,2% - 22,1%.

V. QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ

Phát triển đô thị nhằm đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội với nền tảng là công nghiệp, dịch vụ. Xây dựng phát triển kết cấu hạ tầng đô thị theo hướng hiện đại, văn minh. Dự kiến mức độ đô thị hóa năm 2010 đạt 25%, năm 2020 khoảng 40%. Bao gồm các đô thị chủ yếu:

- Thành phố Cà Mau là đô thị trung tâm của Tỉnh và vùng bán đảo Cà Mau, là một trong những trung tâm kinh tế biển của vùng biển Tây Nam Bộ. Tập trung xây dựng thành phố Cà Mau đủ điều kiện trở thành đô thị loại II.

- Thị trấn Năm Căn là đô thị động lực của Tỉnh và là trung tâm hướng phát triển ra biển thông qua cảng Năm Căn, định hướng phát triển lên đô thị loại IV.

- Đô thị Sông Đốc, là đô thị động lực của Tỉnh, là một trong những trung tâm phát triển kinh tế biển của vùng Vịnh Thái Lan, định hướng phát triển lên đô thị loại IV.

- Đối với khu vực nông thôn, nâng cấp các thị trấn hiện có, hình thành một số thị trấn mới theo quy hoạch.

VI. ĐIỀU CHỈNH ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH

- Trong giai đoạn 2008 - 2010, nghiên cứu việc điều chỉnh địa giới hành chính thành phố Cà Mau, huyện Thới Bình và các xã, phường, thành lập 1 huyện mới (Châu Thành). Tổ chức đơn vị hành chính cấp huyện gồm 1 thành phố và 9 huyện với 108 đơn vị hành chính cấp xã phù hợp với đặc điểm, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

- Giai đoạn sau năm 2010, nghiên cứu việc điều chỉnh địa giới huyện Trần Văn Thời, huyện Đầm Dơi, huyện Năm Căn; thành lập 01 huyện mới (Vàm Đầm), 2 thị xã (Năm Căn, Sông Đốc). Tổ chức đơn vị hành chính cấp huyện gồm 1 thành phố, 2 thị xã và 9 huyện với 157 đơn vị hành chính cấp xã.

VII. CÁC CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN VÀ CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN NGHIÊN CỨU ĐẦU TƯ

(Phụ lục kèm theo)

VIII. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Giải pháp huy động vốn:

Để đáp ứng nhu cầu vốn đầu tư cần phải có hệ thống các giải pháp huy động vốn tích cực, trong đó phát huy nội lực là chủ yếu. Khai thác và sử dụng tốt các nguồn vốn từ quỹ đất; đồng thời, chú trọng thu hút vốn đầu tư từ các thành phần kinh tế, đẩy mạnh xã hội hóa các lĩnh vực như dịch vụ, y tế, giáo dục, thể thao.

Hướng sử dụng vốn như sau: nguồn vốn từ ngân sách nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước đầu tư vào các lĩnh vực, hạng mục chính như: hạ tầng giao thông, cảng, cấp thoát nước, hồ

chứa nước, xử lý nước thải và chất thải rắn và các công trình có ý nghĩa xã hội quan trọng. Ngoài ra, tập trung huy động vốn tín dụng, vốn từ các doanh nghiệp và các nhà đầu tư trong nước, vốn đầu tư nước ngoài để đầu tư các công trình hạ tầng khu công nghiệp, khu du lịch và các công trình kết cấu hạ tầng khác.

2. Phát triển nguồn nhân lực:

Đẩy mạnh đào tạo chuyên nghiệp, đa dạng hóa các hình thức dạy nghề, có chính sách ưu đãi cho lao động nông nghiệp chuyển đổi sang các ngành khác, đãi ngộ và tạo điều kiện làm việc để thu hút cán bộ khoa học kỹ thuật, cán bộ quản lý về Tỉnh công tác. Thực hiện đào tạo và đào tạo lại đội ngũ cán bộ quản lý, quản trị kinh doanh đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế.

3. Phát triển khoa học, công nghệ:

Đổi mới hoạt động khoa học và công nghệ, tăng cường phổ biến thông tin khoa học kỹ thuật, thông tin kinh tế thị trường; tăng cường công tác ứng dụng chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong việc áp dụng các thành tựu khoa học và công nghệ nhất là trong lĩnh vực công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu. Liên kết với các viện, các trường, các trung tâm, các nhà khoa học trong và ngoài nước để thực hiện các đề tài, dự án

khoa học. Phát huy vai trò hoạt động của Liên hiệp các hội khoa học, nghiên cứu các cơ chế khuyến khích việc thành lập và hoạt động có hiệu quả Quỹ Phát triển khoa học và Công nghệ tại Tỉnh.

4. Nâng cao năng lực quản lý hành chính:

Đẩy mạnh cải cách hành chính, tiếp tục phân cấp mạnh hơn nhằm nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước và thực thi pháp luật; tăng cường thực hiện quy chế dân chủ, công khai minh bạch thông tin về quản lý nhà nước để nhân dân cùng tham gia giám sát và thực hiện.

5. Tăng cường hợp tác phát triển:

Thực hiện hợp tác, liên kết phát triển với các tỉnh trong Vùng, bảo đảm đầu tư đúng quy hoạch nhằm phát huy tiềm năng kinh tế của Tỉnh, đẩy mạnh hợp tác với các địa phương trong nước và quốc tế; ưu tiên hợp tác thu hút những lĩnh vực có yêu cầu trình độ, công nghệ cao mà tỉnh Cà Mau chưa tiếp cận được.

6. Tổ chức thực hiện:

Căn cứ vào quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội đã phê duyệt, Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau tập trung chỉ đạo các ngành, các cấp xây dựng quy hoạch, kế hoạch 5 năm và hàng năm bảo đảm phù hợp với định hướng phát triển của Tỉnh. Xây dựng chương trình hành

động, các chương trình phát triển theo từng thời kỳ theo định hướng của Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Cà Mau đến năm 2020.

Trong quá trình thực hiện Quy hoạch, Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau phải thường xuyên chỉ đạo việc rà soát các chỉ tiêu, kế hoạch để đánh giá tình hình thực hiện, kịp thời báo cáo trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định việc điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch để phù hợp với tình hình và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong từng giai đoạn.

Công bố và công khai Quy hoạch để thu hút sự chú ý của toàn dân, của các nhà đầu tư trong và ngoài nước tham gia thực hiện. Phối hợp với các Bộ, ngành trung ương và các tỉnh bạn để triển khai các chương trình phát triển và hợp tác cùng phát triển.

Điều 2.

a) Quy hoạch này là định hướng và là căn cứ để lập, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và triển khai thực hiện các quy hoạch chuyên ngành, các dự án đầu tư trên địa bàn của Tỉnh theo quy định;

b) Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ và phương hướng phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh trong Quy hoạch, chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan chỉ đạo việc lập và trình

duyet và triển khai thực hiện theo quy định:

- Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội các huyện, thị xã, quy hoạch phát triển hệ thống đô thị và các điểm dân cư, quy hoạch xây dựng, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch phát triển các ngành, các lĩnh vực để bảo đảm sự phát triển tổng thể, đồng bộ;

- Nghiên cứu xây dựng, ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành các cơ chế, chính sách phù hợp với yêu cầu phát triển của Tỉnh và pháp luật của Nhà nước trong từng giai đoạn nhằm thu hút, huy động các nguồn lực để thực hiện Quy hoạch;

- Lập các kế hoạch dài hạn, trung hạn, ngắn hạn; các chương trình phát triển trọng điểm, các dự án cụ thể để đầu tư tập trung hoặc đầu tư từng bước với trình tự hợp lý.

Điều 3. Các Bộ, ngành liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm:

- Hướng dẫn và giúp Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau trong việc nghiên cứu lập các quy hoạch nói trên; ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan nhà nước

có thẩm quyền ban hành cơ chế, chính sách phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh nhằm huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực và khuyến khích, thu hút đầu tư góp phần vào việc thực hiện tốt mục tiêu, nhiệm vụ và phương hướng phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh.

- Nghiên cứu xem xét, điều chỉnh, bổ sung vào các quy hoạch phát triển ngành, kế hoạch đầu tư các công trình, dự án liên quan; đẩy nhanh việc đầu tư, thực hiện các công trình, dự án có quy mô, tính chất Vùng và quan trọng đối với sự phát triển của Tỉnh thuộc phạm vi phụ trách để làm căn cứ cho Tỉnh triển khai thực hiện Quy hoạch này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 5. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng

Phụ lục

DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN
VÀ CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN NGHIÊN CỨU ĐẦU TƯ
(ban hành kèm theo Quyết định số 163/2008/QĐ-TTg
ngày 11 tháng 12 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ)

A. CÁC CHƯƠNG TRÌNH
PHÁT TRIỂN

1. Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng biển và ven biển;
2. Chương trình phát triển đô thị;
3. Chương trình phát triển nguồn nhân lực;
4. Chương trình chuyển đổi cơ cấu sản xuất ngư, nông, lâm nghiệp;
5. Chương trình phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp;
6. Chương trình phát triển kinh tế dịch vụ;
7. Chương trình phát triển giao thông vận tải;
8. Thành lập và phát triển Khu kinh tế Năm Căn;
9. Chương trình bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

B. CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ
PHÁT TRIỂN

I. CÁC DỰ ÁN HẠ TẦNG DO
TRUNG ƯƠNG ĐẦU TƯ TRÊN ĐỊA
BÀN TỈNH

1. Nâng cấp tuyến đê biển Tây;

2. Xây dựng tuyến đê biển Đông;
3. Trung tâm giống thủy hải sản cấp I;
4. Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá cấp vùng;
5. Cụm dịch vụ và công nghiệp dầu khí;
6. Xây dựng tuyến đường ven biển;
7. Tuyến đường Hồ Chí Minh (đoạn Năm Căn - Mũi Cà Mau);
8. Tuyến đường hành lang ven biển phía Nam;
9. Nâng cấp quốc lộ 63;
10. Đường tránh quốc lộ 1A qua thành phố Cà Mau;
11. Đường tránh quốc lộ 63 qua thành phố Cà Mau;
12. Cầu Gành Hào 2;
13. Cầu Đầm Cùng;
14. Nâng cấp, mở rộng sân bay Cà Mau;
15. Khôi phục nâng cấp sân bay Năm Căn;
16. Cải tạo các tuyến đường thủy quốc gia trên địa bàn tỉnh;

17. Nâng cấp, cải tạo hệ thống thông tin liên lạc trên địa bàn toàn Tỉnh.

II. CÁC DỰ ÁN DO TỈNH QUẢN LÝ

1. Xây dựng các tiểu vùng thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp và thủy sản;

2. Hệ thống kè thủy lợi chống sạt lở các cửa sông, ven sông, khu dân cư;

3. Cảng cá và dịch vụ hậu cần nghề cá;

4. Các khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá cấp tỉnh;

5. Bảo vệ, phát triển vườn quốc gia Mũi Cà Mau;

6. Bảo vệ phát triển vườn quốc gia U Minh hạ;

7. Khôi phục, bảo vệ rừng phòng hộ ven biển;

8. Đường vành đai Tây Nam thành phố Cà Mau;

9. Xây dựng cơ sở hạ tầng nâng thành phố Cà Mau lên đô thị loại II;

10. Xây dựng cơ sở hạ tầng thị trấn Sông Đốc, thị trấn Năm Căn;

11. Công trình hạ tầng trên đảo Hòn Khoai;

12. Các công trình hạ tầng trên đảo Hòn Chuối;

13. Nâng cấp mở rộng tuyến đường Tắc Thủ - Rạch Ráng - Sông Đốc;

14. Nâng cấp mở rộng tuyến đường Rau Dừa - Rạch Ráng - Sông Đốc;

15. Xây dựng mới bến xe liên tỉnh;

16. Xây dựng bến tàu - xe liên hợp tại trung tâm các huyện;

17. Cầu Chà Là;

18. Cầu Hòa Trung;

19. Cầu Cái Keo;

20. Cầu qua sông Trẹm tại kênh Zero;

21. Cầu qua Cái Đôi Vàm huyện Phú Tân;

22. Cầu Rạch Ráng qua Sông Đốc;

23. Cầu Vàm Đàm;

24. Nâng cấp các tuyến đường đến trung tâm các huyện;

25. Đường ô tô đến trung tâm các xã;

26. Bến phà thị trấn Sông Đốc;

27. Nâng cấp, mở rộng hệ thống cấp nước các đô thị;

28. Xây dựng, nâng cấp hệ thống thoát nước và xử lý nước thải các đô thị;

29. Xây dựng bãi rác ở các đô thị trung tâm huyện lỵ, các xã;

30. Dự án xây dựng trung tâm quan trắc, giám sát môi trường;

31. Quảng trường văn hóa Tỉnh;
32. Nhà văn hóa trung tâm Tỉnh;
33. Bảo tàng Tỉnh;
34. Xây dựng, nâng cấp các Khu di tích lịch sử cách mạng;
35. Trung tâm văn hóa - thể thao các huyện;
36. Trung tâm văn hóa - thể thao cấp xã;
37. Nâng cấp sân vận động Cà Mau;
38. Xây dựng Bệnh viện đa khoa khu vực, đa khoa huyện;
39. Bệnh viện phụ sản;
40. Bệnh viện nhi;
41. Bệnh viện lao và các bệnh về phổi;
42. Bệnh viện Đông y và điều dưỡng;
43. Trường cao đẳng y tế;
44. Trường cao đẳng cộng đồng;
45. Trường trung học văn hóa nghệ thuật;
46. Trường trung cấp nghề;
47. Xây dựng, nâng cấp hệ thống trường phổ thông, mầm non;
48. Nâng cấp nghĩa trang liệt sỹ, công trình ghi công liệt sỹ;
49. Khu đô thị trung tâm Hành chính - Chính trị tỉnh;
50. Xây dựng trụ sở cơ quan đảng, nhà nước các cấp, trụ sở xã, huyện;
51. Các khu tái định cư;
52. Đầu tư nâng cấp một số trung tâm về công tác xã hội;
53. Chợ đầu mối thủy sản;
54. Nhà thi đấu đa năng;
55. Trung tâm sinh hoạt văn hóa thanh thiếu niên.

III. CÁC DỰ ÁN SẢN XUẤT KINH DOANH

1. Nhà máy đạm Cà Mau;
2. Công nghiệp đóng mới và sửa chữa tàu thủy Năm Căn;
3. Khu công nghiệp Khánh An;
4. Khu công nghiệp Hòa Trung;
5. Khu công nghiệp Năm Căn;
6. Khu công nghiệp Sông Đốc;
7. Phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp đa canh;
8. Vùng chăn nuôi heo, gia cầm tập trung quy mô trang trại;
9. Các vùng nuôi tôm công nghiệp;
10. Khôi phục và phát triển vùng nuôi cá đồng;

11. Tổ chức lại sản xuất và bố trí dân cư vùng rừng tràm U Minh Hạ;
12. Đầu tư mới các nhà máy chế biến thủy sản;
13. Nhà máy may mặc xuất khẩu;
14. Nhà máy sản xuất đồ gỗ dân dụng;
15. Nhà máy sản xuất ván MDF;
16. Phát triển các khu đô thị mới;
17. Phát triển hệ thống chợ nông thôn;
18. Xây dựng bãi đậu xe thành phố Cà Mau;
19. Khu thương mại và văn phòng cao cấp;
20. Các trung tâm thương mại, siêu thị;
21. Trung tâm hội chợ triển lãm tỉnh Cà Mau;
22. Các khu, cụm du lịch sinh thái ven biển, biển đảo;
23. Phát triển khách sạn, nhà hàng;
24. Công viên văn hóa du lịch Cà Mau;
25. Nhà máy xử lý, chế biến rác thải thành phố Cà Mau;

Ghi chú: về vị trí, quy mô diện tích chiếm đất và tổng mức đầu tư của các dự án nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cần đổi, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ./.